

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

Environmental Management Of Industrial and Urban areas

Mã học phần: MIU 33021 – Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Kỹ thuật môi trường

Điều kiện tiên quyết (nếu có):

Hình thức đào tạo: Trực tiếp và online

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật môi trường

1. Mô tả chung về học phần

Qua học phần này sinh viên hiểu biết về chức năng và cơ cấu của môi trường đô thị và khu công nghiệp, các cơ sở khoa học, tiêu chuẩn và các công cụ quản lý môi trường; kiến thức cơ bản và kỹ năng để quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp nhằm mang lại sự phát triển bền vững cho xã hội và cuộc sống chất lượng cho cộng đồng.

2. Mục tiêu của môn học

Kiến thức: Trang bị cho người học là những kiến thức về chức năng và cơ cấu của môi trường đô thị và khu công nghiệp; tiêu chuẩn và các công cụ quản lý môi trường; kiến thức cơ bản để quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp

Kỹ năng : Trang bị cho người học kỹ năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường và các công cụ kiểm soát môi trường trong các khu công nghiệp và đô thị

Thái độ: Rèn luyện cho người học thực hiện khả năng làm việc nhóm, khả năng tổ chức lãnh đạo và thuyết trình

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy kết hợp giữa thuyết trình, thảo luận, hướng dẫn bài tập

Hình thức giảng dạy: Có thể tại lớp, thực hành trên hiện trường và trực tuyến

4. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mã | Chuẩn đầu ra học phần |
|-------------|---|
| a4-1 | Đảm nhiệm được công tác quản lý môi trường trong khu công nghiệp và đô thị |
| b3-1 | Có kỹ năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường và các công cụ kiểm soát môi trường trong các khu công nghiệp và đô thị |
| c2 | Hiểu biết pháp luật liên quan đến quản lý môi trường khu đô thị và công nghiệp |

5. Giáo trình và tài liệu học tập

5.1. Giáo trình và tài liệu học tập

[1]. Bùi Thị Nga, 2010. *Giáo trình Quản lý Môi trường đô thị & KCN*, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. *Luật Bảo vệ Môi trường* Việt Nam.

[3]. Nghị định, thông tư quy định về quản lý môi trường KCN.

[4]. Tài liệu tham khảo trên mạng internet, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, báo, đài.

6. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập như:

- Suru tầm tài liệu liên quan đến môn học, cụ thể phải có tối thiểu 1 giáo trình tham khảo để nghiên cứu.

- Đọc và nghiên cứu trước ở nhà các tài liệu và các tình huống thực tế liên quan đến nội dung môn học.

- Thảo luận các tình huống, tham gia hỏi và trả lời các câu hỏi của giảng viên, của các sinh viên khác trong giờ.

- Làm bài tập, chuẩn bị nội dung thảo luận đầy đủ.

- Đi học đầy đủ, đúng giờ...

Các hoạt động giảng dạy và học tập nhằm giúp SV đạt được các chuẩn đầu ra của học phần gồm:

✓ Nghe giảng: Giảng lý thuyết, giảng theo phương pháp nêu vấn đề, giảng theo tình huống

✓ Thảo luận nhóm: theo từng chủ đề, tình huống, thuyết trình kết quả nghiên cứu thảo luận theo từng chủ đề, tình huống được giao trước.

7. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

| Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá | Hoạt động học tập của người học | | | | Chuẩn đầu ra |
|--|---------------------------------|------------|--|-----------|---|
| | Trên lớp | ST | Tự học | SG | |
| Mở đầu | | 0,5 | | 1 | |
| CHƯƠNG 1: Tổng quan về môi trường đô thị và khu công nghiệp 1.1. Chức năng của môi trường 1.2. Phát triển và ô nhiễm môi trường 1.3. Khái quát môi trường đô thị và khu Công Nghiệp 1.4. Cơ sở khoa học của quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp (KCN). 1.5. Nội dung của quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp 1.6. Các vấn đề môi trường trong quá trình phát triển ở Việt Nam (TL) 1.7. Một số khái niệm phổ biến trong công tác bảo vệ môi trường | Nghe giảng Thảo luận | 5 | SV đọc trước tài liệu 1 nội dung về tổng quan môi trường đô thị và khu công nghiệp để học tập, thảo luận | 10 | a4-1 b3-1 c2 |
| CHƯƠNG 2: Cơ cấu, đặc điểm của hệ thống quản lý và | | 5 | | 10 | |

| | | | | | |
|--|--|---|---|----|--|
| <p>BV môi trường</p> <p>7.1. Hệ thống quản lý nhà nước về môi trường</p> <p>7.2. Các đặc điểm chính trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường</p> <p>7.3. Sử dụng công cụ pháp lý trong quản lý môi trường</p> <p>7.4. Sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường (TL)</p> <p>7.5. Phương pháp quản lý tổng hợp</p> <p>2.6. Nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường của Việt Nam trong tương lai</p> <p>2.7. Các yếu tố của mô hình đô thị bền vững</p> | <p>Nghe giảng: 3</p> <p>Thảo luận: 2</p> | | <p>SV đọc trước tài liệu 1 nội dung về Cơ cấu, đặc điểm của hệ thống quản lý và BV môi trường</p> | | |
| <p>CHƯƠNG 3: Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp</p> <p>3.1. Vai trò của thiên nhiên trong cấu trúc đô thị</p> <p>3.2. Hiện trạng quản lý đô thị</p> <p>3.3. Các nguyên nhân dẫn đến thực trạng quản lý đô thị hiện nay</p> <p>3.4. Một số biện pháp cụ thể quản lý môi trường đô thị ở Việt Nam</p> <p>3.5. Môi trường Khu Công Nghiệp (KCN) ở Việt Nam</p> <p>3.6. Một số nguyên tắc quản lý môi trường KCN</p> <p>3.7. Thực trạng quản lý môi trường KCN (TL)</p> | <p>Nghe giảng: 5</p> <p>Thảo luận: 3</p> | 8 | <p>SV đọc trước tài liệu 1 nội dung Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp</p> | 16 | |
| <p>CHƯƠNG 4: Quản lý môi trường doanh nghiệp</p> <p>4.1. Môi trường doanh nghiệp</p> <p>4.2. Cơ sở quản lý môi trường doanh nghiệp</p> <p>4.3. Hệ thống quản lý môi trường</p> <p>4.4. Doanh nghiệp tham gia quản lý môi trường</p> <p>4.5. Đầu tư mở rộng sản xuất sạch</p> | <p>Nghe giảng: 3</p> <p>Thảo luận: 2</p> | 5 | <p>SV đọc trước tài liệu 1 nội dung Tầm nhìn và chiến lược QLMT đô thị và khu công nghiệp</p> | 16 | |

| | | | | | |
|---|-------------------------------|-----------|--------------------------|-----------|--------------------|
| 4.6.Công nghiệp sinh thái (TL) 4.7.Bước đầu xây dựng mô hình công nghiệp sinh thái ở Việt Nam | | | | | |
| CHƯƠNG 5: Tầm nhìn và chiến lược QLMT đô thị và khu công nghiệp 5.1. Giáo dục môi trường 5.2. Truyền thông môi trường (TL) 5.3. Vai trò của cộng đồng (TL) Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường 5.4. Những vấn đề môi trường của Việt Nam cần được ưu tiên giải quyết 5.5. Các hoạt động bảo vệ môi trường ở Việt Nam (TL) 5.6. Vai trò của các cơ quan hành pháp trong quản lý môi trường | Nghe giảng: 3 Thảo luận: 2 | 5 | | 16 | |
| ĐG 1: 50% <i>Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản lý môi trường đô thị và KCN</i> | | | Nghiên cứu nội dung ĐG 1 | | a4-1 |
| ĐG2: 50% <i>Vận dụng các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản lý môi trường đô thị, KCN trong tình huống cụ thể</i> | | 1,5 | Nghiên cứu nội dung ĐG 2 | | a4-1 b3-1 c2 |
| Tổng số tiết/giờ học | | 30 | | 60 | |

8. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

| Phân loại | Phương pháp đánh giá | Tỷ trọng | Chuẩn đầu ra | | |
|-------------------|--------------------------------|----------|--------------|------|----|
| | | | A4-1 | B3-1 | C2 |
| Quá trình | ĐG1. Bài ĐG trên lớp | 50% | x | x | x |
| Kết thúc học phần | ĐG2. Bài thi kết thúc học phần | 50% | x | x | |
| Tổng cộng: | | 100% | | | |

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a4-1, b3-1, c2;

- Tỷ lệ: 50% điểm học phần

Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình trên lớp

- Mô tả bài đánh giá:

Giảng viên chia nhóm, giao các vấn đề của về quản lý môi trường đô thị và KCN. Hướng dẫn cách thực hiện, quy định về trọng số điểm của các nội dung trong bài đánh

giá. Từng nhóm sinh viên chuẩn bị nội dung báo cáo và thuyết trình. Các nhóm khác và giảng viên đặt câu hỏi phản biện. Giảng viên tổng kết, cho điểm.

- Các yêu cầu: vận dụng các kiến thức chung về quản lý môi trường đô thị và KCN để hoàn thành bài thuyết trình về việc xử lý một tình huống cụ thể trong công tác quản lý môi trường đô thị và KCN. Các nhóm phải hoàn thiện báo cáo hoàn chỉnh (bản word) và bài thuyết trình bằng các slide, số liệu, dẫn chứng để chứng minh mà từng nhóm thu thập được qua quá trình nghiên cứu và tìm tài liệu.

- Ma trận đánh giá:

| Xếp loại | | A | B | C | D | F |
|----------|---|--|--|---|---|---|
| | | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| Tiêu chí | | | | | | |
| | Kỹ năng thuyết trình (10%) | Bài thuyết trình xúc tích, ngắn gọn, minh họa phù hợp, có sức cuốn hút, có tính thuyết phục và độ tin cậy cao. | Bài thuyết trình xúc tích, ngắn gọn, minh họa phù hợp, có sức cuốn hút, có độ tin cậy. | Bài thuyết trình dễ theo dõi, có nhiều minh họa phù hợp | Bài thuyết trình có thể theo dõi được. | Bài thuyết trình còn làm người nghe khó theo dõi, gây nhầm lẫn; thiếu tính thuyết phục. |
| | Nội dung thuyết trình (40%) | Hiểu, làm chủ được các thông tin cơ bản; Đầy đủ thông tin | Nắm vững được các thông tin cơ bản; đầy đủ thông tin | Nắm vững được các thông tin cơ bản; thiếu thông tin | Chưa hiểu rõ được các thông tin cơ bản, thiếu thông tin | Không hiểu rõ được các thông tin cơ bản, thiếu thông tin |
| | Câu trả lời về các nội dung liên quan trong báo cáo đảm bảo ngắn gọn, tính chính xác cao, dễ hiểu | Câu trả lời đảm bảo tính chính xác cao và có tính thuyết phục | Câu trả lời đảm bảo tính chính xác | Câu trả lời tương đối chính xác | Câu trả lời còn sơ sài và qua loa. | Câu trả lời không đúng |
| | Đặt câu hỏi phản biện cho các nhóm (20%) | Câu hỏi hay, bám sát vấn đề, mang tính tổng hợp. | Câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu và bám sát vấn đề | Câu hỏi ngắn gọn, cơ bản | Câu hỏi đơn giản, ít thông tin | Không đặt câu hỏi hoặc câu hỏi không liên quan đến vấn đề nghiên cứu |

| | | | | | |
|-----------------|-----------------|------------------|------------------|------------------|-----------------|
| Xếp loại | A | B | C | D | F |
| | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| Tiêu chí | | | | | cứu |

8.2. Hoạt động đánh giá 2

- Tỷ lệ: 50% điểm học phần
- Hình. thức đánh giá: Bài thi cuối kỳ

Mô tả bài đánh giá: SV thực hiện bài thi kết thúc học phần: giảng viên chuẩn bị đề thi (6-10 đề) có nội dung là các câu hỏi về vấn đề quản lý môi trường đô thị và KCN.

Các yêu cầu: sinh viên làm đúng ít nhất 50% câu hỏi trong bài kiểm tra. Không trao đổi, nhìn bài nhau.

Thời hạn nộp minh chứng: Bài thi được thực hiện vào cuối kỳ học theo lịch sắp xếp của Phòng Đào tạo.

Thời điểm và cách thức công bố kết quả đánh giá: theo lịch của Phòng Đào tạo.

Thời điểm làm lại bài đánh giá nếu chưa đạt: theo lịch của Phòng Đào tạo.

- Ma trận đánh giá:

| | | | | | |
|---|--------------------|--------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
| Xếp loại | A | B | C | D | F |
| | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| Tiêu chí | | | | | |
| Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản lý môi trường đô thị và KCN. | 85-100% số câu hỏi | 70- 84% số câu hỏi | 55-69% số câu hỏi | 40 - 54% số câu hỏi | <40 số câu hỏi |

8.3. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được tính như sau:

$$\text{Điểm học phần} = 0,5 \times \text{điểm bài ĐG1} + 0,5 \times \text{điểm bài ĐG2}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy vi tính, máy chiếu, âm thanh
- Phòng học đảm bảo 2 sinh viên/ 1 bàn, có đủ ánh sáng, phấn, bảng

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Để tạo một môi trường cởi mở và an toàn cho các buổi học trong lớp, giảng viên phải tôn trọng sinh viên, yêu cầu sinh viên tôn trọng giảng viên và tôn trọng lẫn nhau, tránh căng thẳng, thậm chí cả khi cần phải bày tỏ ý kiến bất đồng.

Sinh viên phải tuân thủ các quy định an toàn và an ninh học đường. Nếu có vấn đề phát sinh xảy ra, cần báo cho giảng viên và bảo vệ nhà trường biết để kịp thời xử lý.

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

- Sinh viên được chỉ được công nhận điểm đánh giá học phần khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- + Có mặt trên lớp tối thiểu 80% tổng số tiết môn học.
- + Không đi học muộn và bỏ học về sớm.
- + Không có gian lận trong quá trình làm bài tập đánh giá.
- + Phải tham gia đầy đủ 2 bài đánh giá.

- Sinh viên trượt tại ĐG nào vẫn tiếp tục học các phần tiếp theo và được ĐG lại 1 lần hoặc cải thiện ĐG thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Sinh viên không tham gia ĐG nào mà không có lý do thì ĐG đó được 0 điểm và không được phép cải thiện ĐG, có lý do sẽ được ĐG bổ sung (thời gian được xếp sếp trong quá trình học).

- Sinh viên được quyền khiếu nại về điểm bài ĐG của mình ngay sau khi nhận được kết quả. Thời gian khiếu nại kết thúc sau 1 tiết học tiếp theo kể từ khi nhận được kết quả ĐG.

- Để hoàn thành học phần này điều kiện tối thiểu sinh viên phải đạt điểm trung bình trung học phần là 5,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10). Không đạt sinh viên sẽ phải học lại.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày tháng năm 202
Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Kim Dung

Ths. Nguyễn Thị Cẩm Thu